

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/HS-ST

Ngày 26-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng;

Ông Huỳnh Văn Diễm;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST-HS ngày 20/7/2022 đối với bị cáo:

1. Phạm Ngọc T sinh năm 1984 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: khu phố thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị Th; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2021 cho đến nay.

2. Đặng Thị Cẩm T1 sinh năm 1986 tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký tạm trú: thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Ch và bà Mai Thị B; bị cáo có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Ngọc T: ông Cao Văn Vương
- Luật sư Văn phòng Luật sư Ngô Nhung, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đặng Thị Cẩm T1:* bà Châu Thị Nga - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV An Yên, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

- *Bị hại:*

1. Bà Hồ Thị Bạch T2, sinh năm 1959, địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1983, địa chỉ: thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

3. ông Phạm Phú C, sinh năm 1986, địa chỉ: thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Phạm Thị C.A, sinh năm 1974, địa chỉ: thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;

2. ông Phạm Văn T3, sinh năm 1985, địa chỉ: thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

3. Bà Nguyễn Thị Diễm T4, sinh năm 1987, địa chỉ: thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Thương mại kinh doanh Địa ốc Đại Phú Tín, địa chỉ: số 116 đường D1, khu dân cư Phú Hòa 1, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Công ty Đại Phú Tín) được thành lập ngày 04/11/2015, do Phạm Ngọc T là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Đặng Thị Cẩm T1 là nhân viên kinh doanh kiêm kế toán của Công ty Đại Phú Tín. Từ năm 2015, T và T1 sống chung như vợ chồng tại phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Quá trình môi giới bất động sản, Công ty Đại Phú Tín không thực hiện đúng cam kết với khách hàng, chậm thực hiện giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng theo như thỏa thuận hợp đồng. Khách hàng thường đến trụ sở Công ty Đại Phú Tín yêu cầu T phải thực hiện đúng thời hạn cam kết, gây ảnh hưởng đến việc hoạt động kinh doanh của Công ty Đại Phú Tín. Do đó, tháng 6/2019 T yêu cầu T1 đứng tên thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Địa ốc Điền Phú Phát, địa chỉ: số 52 đường Phú Lợi, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Công ty Điền Phú Phát). T1 là Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trên thực tế, hoạt động của Công ty Điền Phú Phát do T chỉ đạo, điều hành; còn T1 làm kế toán của Công ty Điền Phú Phát.

Công ty Đại Phú Tín và Công ty Điền Phú Phát hoạt động kinh doanh là tư vấn, môi giới bất động sản. Trong quá trình hoạt động, T và T1 nhân danh Công ty Đại Phú Tín, Công ty Điền Phú Phát cấu kết với nhau, lừa đảo khách hàng ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

1. Đối với dự án khu dân cư phát triển đô thị Lê Phong Bình Chuẩn:

Dự án khu dân cư phát triển Lê Phong Bình Chuẩn (Dự án Lê Phong Bình Chuẩn) tại phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển Lê Phong, địa chỉ: Số 26/11 khu phố Tây, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương làm chủ đầu tư.

Ngày 09/3/2019, ông Bùi Ng Ph là Giám đốc của Công ty Lê Phong ký Hợp đồng phân phối với ông Lê Xuân Q.A là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ địa ốc Đại Phát Đạt, địa chỉ: ô 06, lô NP04, Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Công ty Đại Phát Đạt). Công ty Lê Phong giao cho Công ty Đại Phát Đạt tiếp thị, phân phối 110 nền đất thuộc dự án Lê Phong Bình Chuẩn, thời gian thực hiện từ ngày 09/3/2019 đến ngày 09/7/2019. Khi phân phối đất nền, Công ty Đại Phát Đạt được ký hợp đồng đặt cọc và nhận tiền đặt cọc, thanh toán đợt 1 của khách hàng. Khi khách hàng thanh toán 30% giá trị hợp đồng thì Công ty Đại Phát Đạt phải chuyển hồ sơ khách hàng cho chủ đầu tư để ký hợp đồng mua bán với khách hàng.

Ngày 15/3/2019, ông Q.A đại diện Công ty Đại Phát Đạt ký với Phạm Ngọc T là Tổng Giám đốc của Công ty Đại Phú Tín hợp đồng phân phối đất nền thuộc dự án Lê Phong Bình Chuẩn mà Công ty Đại Phát Đạt đã nhận phân phối từ chủ đầu tư. Công ty Đại Phát Đạt ủy quyền cho Công ty Đại Phú Tín phân phối 40 nền đất của dự án Lê Phong Bình Chuẩn, thời hạn hợp đồng từ ngày 15/3/2019 đến ngày 15/5/2019.

Công ty Đại Phú Tín phải thực hiện các nội dung theo hợp đồng phân phối giữa chủ đầu tư dự án với Công ty Đại Phát Đạt nêu trên. Trong thời hạn 24 giờ khi nhận tiền của khách hàng, Công ty Đại Phú Tín phải chuyển tiền cho Công ty Đại Phát Đạt. Sau khi nhận tiền đợt 2 thì Công ty Đại Phú Tín phải chuyển hồ sơ khách hàng cho Công ty Đại Phát Đạt để chuyển chủ đầu tư ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với khách hàng. Căn cứ hợp đồng phân phối được ký, T triển khai cho các nhân viên kinh doanh của Công ty Đại Phú Tín tìm kiếm khách hàng, tư vấn về dự án Lê Phong Bình Chuẩn.

Qua tìm hiểu dự án Lê Phong Bình Chuẩn, ngày 14/5/2019 vợ chồng ông Mai Văn H, sinh năm 1955 và bà Hồ Thị Bạch T2, sinh năm 1959, cùng nơi cư trú: Số 20A/8 đường 898, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đến trụ sở Công ty Đại Phú Tín gặp Đặng Thị Cẩm T1 để đặt cọc nhận chuyển nhượng đất nền của dự án này. T yêu cầu T1 làm đại diện cho Công ty Đại Phú Tín ký hợp đồng với ông Mai Văn H về việc chuyển nhượng lô H29 thuộc dự án Lê Phong Bình Chuẩn với giá 1.464.790.000 đồng. Cùng ngày, bà T2 đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty Đại Phú Tín. Tuy nhiên, T và T1 không thông báo việc nhận đặt cọc lô H29, không giao số tiền đặt cọc cho Công ty Đại Phát

Đạt như thỏa thuận hợp đồng mà sử dụng để chi phí cho hoạt động của công ty và tiêu xài cá nhân.

Ngày 15/5/2019, do T không tìm được khách hàng nên hợp đồng phân phối giữa Công ty Đại Phú Tín với Công ty Đại Phát Đại ngày 15/3/2019 hết hiệu lực.

Đến ngày 24/5/2019, T tiếp tục yêu cầu bà T2 thanh toán đợt 2 số tiền 714.790.000 đồng cho Công ty Đại Phú Tín. Sau khi nhận tiền, T sử dụng số tiền nhận của bà T2 cho hoạt động của Công ty và tiêu xài cá nhân.

Quá thời hạn theo cam kết hợp đồng nhưng T không giao đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2, T viện lý do trực tract thủ tục pháp lý nên không thể thực hiện được hợp đồng như đã thỏa thuận. Sau đó, T thương lượng với bà T2 việc ký lại hợp đồng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở dự án khác thì bà T2 đồng ý.

Đến ngày 28/6/2020, T đại diện Công ty Điền Phú Phát ký thỏa thuận đặt cọc, Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng lô LK5, ô 12, diện tích 90 m² tại dự án khu nhà ở nông thôn Nam Long 3, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với giá 1.028.000.000 đồng cho bà T2 để đổi lô H29 thuộc dự án Lê Phong Bình Chuẩn. T ký Phiếu thu mới cho bà T2 đề ngày 28 và 30/6/2020 với số tiền 764.790.000 đồng mà bà T2 đã thanh toán. Đồng thời, T thu lại hợp đồng và phiếu thu mà T1 đã ký với bà T2 trước đây. T cam kết trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đặt cọc sẽ giao đất cho bà T2.

Quá trình điều tra xác định dự án khu nhà ở nông thôn Nam Long 3 do Công ty Cổ phần bất động sản Nam Long Bình Dương, địa chỉ: Lô J56, đường DJ5, NJ21, khu dân cư Mỹ Phước 3, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (Công ty Nam Long Bình Dương) làm chủ đầu tư. Công ty Nam Long Bình Dương không giao cho T và Công ty Điền Phú Phát phân phối nền đất dự án này. Công ty Nam Long Bình Dương cũng không nhận tiền đặt cọc của T đối với lô LK5, ô 12, diện tích 90 m². Hiện lô đất này Công ty Nam Long Bình Dương đã chuyển nhượng cho người khác.

2. Đối với dự án khu nhà ở Kim Kim Trần:

Dự án khu nhà ở Kim Kim Trần tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kim Kim Trần (gọi tắt là Công ty Kim Kim Trần), địa chỉ: phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương làm chủ đầu tư.

Khoảng tháng 06/2019, thông qua một người quen là ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1987, nơi cư trú: số 80 đường số 8, khu dân cư Hiệp Thành 3, khu phố 7, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Phạm Ngọc T biết về dự án khu nhà ở Kim Kim Trần đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận chủ trương đầu tư dự án, phê duyệt quy hoạch tỷ lệ 1/500. T tìm hiểu nên có được sơ đồ dự án và biết giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất (chưa xây nhà) từ 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng/m².

Từ đây T chỉ đạo nhân viên Công ty Điền Phú Phát tự vẽ sơ đồ dự án và đặt tên là khu đô thị thương mại Rich Town (khu nhà ở Kim Kim Trần) do Công ty Điền Phú Phát làm chủ đầu tư, lập bảng giá từng lô đất và triển khai cho nhân viên kinh doanh tư vấn khách hàng và nhận tiền đặt cọc để chuyển nhượng nhà đất của dự án này.

Qua tìm hiểu thông tin và được nhân viên của Công ty Điền Phú Phát tư vấn, ngày 01/11/2019 bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1983, nơi cư trú: khu phố Bàu Long, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến Công ty Điền Phú Phát ký với Phạm Ngọc T 01 Hợp đồng đặt cọc mua nhà về việc nhận chuyển nhượng bất động sản nhà ở "Dự án đô thị thương mại RICHTOWN" (khu nhà ở Kim Kim Trần), vị trí lô LK2 ô 01 đường D5, diện tích 95,5 m², tổng giá trị theo hợp đồng là 3.900.000.000 đồng. Bà H thanh toán tổng số tiền 1.900.000.000 đồng cho Công ty Điền Phú Phát.

Ngày 16/12/2019, Đặng Thị Cẩm T1 đại diện Công ty Điền Phú Phát tư vấn và ký với ông Phạm Phú C, sinh năm 1986, nơi cư trú: Phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương 01 Hợp đồng đặt cọc mua nhà về việc nhận chuyển nhượng bất động sản nhà ở "Dự án đô thị thương mại RICHTOWN" (khu nhà ở Kim Kim Trần), vị trí lô LK1 ô 03 đường D5, diện tích 60,7 m², tổng giá trị theo hợp đồng là 2.000.000.000 đồng. Ông C thanh toán tổng số tiền 1.000.000.000 đồng cho Công ty Điền Phú Phát.

Khi ký hợp đồng đặt cọc, T và T1 cam kết trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, Công ty Điền Phú Phát sẽ hoàn thiện nhà ở cho khách hàng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của bà H và ông C, T không liên hệ với chủ đầu tư dự án Kim Kim Trần để đặt cọc, chuyển tiền cho chủ đầu tư mà sử dụng số tiền này để chi phí cho hoạt động của Công ty Điền Phú Phát và tiêu xài cá nhân. Đến tháng 5/2020, bà H và ông C biết được Công ty Điền Phú Phát không phải là chủ đầu tư của dự án Kim Kim Trần và không được chủ đầu tư giao phân phối các sản phẩm của dự án, bà H và ông C yêu cầu T trả lại tiền nhưng T không trả nên họ làm đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 17/GĐ-PC09 ngày 22/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Ngọc T trên 02 Hợp đồng đặt cọc ngày 01/11/2019 và ngày 28/6/2020 với bà Trần Thị Mỹ H và bà Hồ Thị Bạch T2 và trên 04 Phiếu thu tiền là do T ký, viết ra.

Tại Kết luận giám định số 87/GĐ-PC09 ngày 12/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định chữ ký mang tên Đặng Thị Cẩm T1 trên hợp đồng đặt cọc mua nhà khu nhà ở Kim Kim Trần và trên phiếu thu là do T1 ký, viết ra. Như vậy, tổng số tiền mà Phạm Ngọc T và Đặng Thị Cẩm T1 chiếm đoạt của bà Hồ Thị Bạch T2, bà Trần Thị Mỹ H và ông Phạm Phú C là 3.664.790.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ:

- 02 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Đại Phú Tín và Công ty Điền Phú Phát;

- 02 con dấu tên Công ty Đại Phú Tín và Công ty Điền Phú Phát;

- 01 Hợp đồng đặt cọc mua nhà ở "Dự án đô thị thương mại RICHTOWN" (khu nhà ở Kim Kim Trần), vị trí lô LK1 ô 03 đường D5 do Công ty Điền Phú Phát ký với khách hàng Phạm Phú C và 02 phiếu thu tiền;

- 01 Hợp đồng đặt cọc mua nhà số 01/ĐOPPP-RT về việc nhận chuyển nhượng bất động sản nhà ở "Dự án đô thị thương mại RICHTOWN" (khu nhà ở Kim Kim Trần), vị trí lô LK2 ô 01 đường D5 do Công ty Điền Phú Phát ký với khách hàng Trần Thị Mỹ H và 04 phiếu thu tiền;

- 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng ngày 28/6/2020 đối với lô LK5, ô 12, diện tích 90 m² tại dự án khu nhà ở nông thôn Nam Long 3 do Công ty Điền Phú Phát ký với khách hàng Hồ Thị Bạch T2 và 02 phiếu thu tiền;

- 01 Thỏa thuận đặt cọc về việc chuyển nhượng đất nền tọa lạc tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương ngày 28/6/2020 giữa Công ty Điền Phú Phát với bà Hồ Thị Bạch T2.

- 01 Sơ đồ "Dự án đô thị thương mại RICHTOWN" có tên Công ty Điền Phú Phát;

- 01 Hợp đồng phân phối số 001/ĐPT-ĐPĐ/HĐ-PP/2019 ngày 15/3/2019 giữa Công ty Đại Phát Đạt với Công ty Đại Phú Tín và bảng giá 40 lô đất kèm theo;

- 01 laptop Sony màu đen của Phạm Ngọc T;

- 01 laptop HP Elitebook 8460p màu bạc của Phạm Ngọc T;

- Số tiền 1.850.000.000 đồng do bà Phạm Thị C.A, sinh năm 1974, nơi cư trú: Số 122 Hoàng Văn Thụ, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (là chị của Phạm Ngọc T) nộp vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Dương ngày 02/6/2021 để khắc phục hậu quả cho T.

Tại bản Cáo trạng số: 58/CT-VKSBD-P1 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phạm Ngọc T, Đặng Thị Cẩm T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng truy tố các bị cáo Phạm Ngọc T, Đặng Thị Cẩm T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T, T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với Kết luận giám định, kết quả xác minh và các

tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án đủ chứng cứ minh hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo.

Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn cố ý cùng nhau thực hiện hành vi vì động cơ tư lợi. Các bị cáo là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong vụ án này, bị cáo T giữ vai trò chính, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đại Phú Tín, yêu cầu bị cáo T1 ký hợp đồng đặt cọc với bị hại T2 và nhận tiền đặt cọc giao lại cho bị cáo nhưng bị cáo không giao lại cho chủ đầu tư. Bị cáo T cũng là người đề nghị bị cáo T1 thành lập, đứng tên Công ty Điện Phú Phát để bị cáo quản lý. Dự án nhà ở Kim Kim Trần, Công ty Điện Phú Phát không được phân phối nhưng bị cáo T vẫn triển khai cho nhân viên tìm kiếm khách hàng, tư vấn, ký hợp đồng để chiếm đoạt tiền. Bị cáo T trực tiếp ký hợp đồng với bị hại H và yêu cầu bị cáo T1 ký hợp đồng với bị hại C để các bị hại tin tưởng giao tiền cho các bị cáo.

Bị cáo T1 theo yêu cầu của bị cáo T đã đứng tên thành lập Công ty Điện Phú Phát cho bị cáo T quản lý, điều hành. Từ đó bị cáo lợi dụng danh nghĩa Công ty Điện Phú Phát thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại H, bị hại C đối với dự án nhà ở Kim Kim Trần. Bên cạnh đó, bị cáo T1 trực tiếp ký hợp đồng với bị hại T2, bị hại C để giúp cho bị cáo T chiếm đoạt tiền của bị hại T2 và bị hại C. Bị cáo T1 giữ vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo T.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo T, T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T đã tác động gia đình nộp số tiền 1.850.000.000 đồng; bị cáo T1 nộp 20.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T mức án từ 12 năm đến 13 năm tù; bị cáo Đặng Thị Cẩm T1 mức án từ 09 năm đến 10 năm, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Hồ Thị Bạch T2, bà Trần Thị Mỹ H và ông Phạm Phú C tổng số tiền 3.664.790.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: 02 con dấu tên Công ty Đại Phú Tín và Công ty Điện Phú Phát là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy; 01 laptop Sony màu đen; 01 laptop HP Elitebook 8460p màu bạc của Phạm Ngọc T là tài sản của cá nhân bị cáo T nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T trình bày: thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo có vận động gia đình khắc

phục 01 phần hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải nuôi con nhỏ 01 mình do đã ly hôn với vợ. Bản thân bị cáo đang bị bệnh nặng. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để sớm về với gia đình, khắc phục thiệt hại cho các bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Cẩm T1 trình bày: thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, tuy rằng ban đầu nhận thức bị cáo còn hạn chế nên cho rằng bị oan nhưng sau khi được Hội đồng xét xử giải thích, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo còn tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục 01 phần hậu quả, bị cáo chỉ giữ vai trò đồng phạm giúp sức, bị cáo không được hưởng lợi gì từ hành vi sai trái của mình và của bị cáo T. Bị cáo là phụ nữ đang mang thai, chỉ vừa sinh con được 01 tháng tuổi, bị cáo là mẹ đơn thân đang nuôi 02 con nhỏ, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b, h, n Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xét xử mức hình phạt dưới khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Các bị cáo thống nhất với phần trình bày của người bào chữa, không tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với các bị cáo, có đủ cơ sở để xác định: tháng 5/2019, Phạm Ngọc T là Giám đốc và Đặng Thị Cẩm T1 là Nhân viên kinh doanh kiêm Kế toán của Công ty Đại Phú Tín tại phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Lợi dụng việc Công ty Đại Phú Tín được ủy quyền phân phối đất nền thuộc dự án Lê Phong Bình Chuẩn, tại phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh

Bình Dương, ngày 14/5/2019 T chỉ đạo T1 ký hợp đồng chuyển nhượng lô H29 thuộc dự án Lê Phong Bình Chuẩn để chiếm đoạt số tiền 764.790.000 đồng của bà Hồ Thị Bạch T2. Khi bà T2 yêu cầu giao đất như T và T1 đã cam kết thì T tiếp tục ký hợp đồng đặt cọc với bà T2 đối với dự án khu nhà ở nông thôn Nam Long 3, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của chủ đầu tư là Công ty Cổ phần bất động sản Nam Long Bình Dương.

Từ tháng 6/2019, theo yêu cầu của T, T1 đứng tên làm người đại diện theo pháp luật của Công ty Điện Phú Phát tại phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để kinh doanh, môi giới bất động sản. Mặc dù Công ty Điện Phú Phát không được chủ đầu tư giao phân phối bất động sản thuộc dự án Kim Kim Trần tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhưng tháng 11 và 12/2019 T và T1 vẫn tư vấn, ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng nhà đất thuộc dự án Kim Kim Trần với bà Trần Thị Mỹ H, ông Phạm Phú C chiếm đoạt số tiền 2.900.000.000 đồng. Tổng số tiền mà T và T1 chiếm đoạt của bà H, ông C và bà T2 là 3.664.790.000 đồng, các bị cáo sử dụng số tiền trên để chi phí cho hoạt động của Công ty Đại Phú Tín, Công ty Điện Phú Phát và tiêu xài cho mục đích cá nhân. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo T, T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án cho phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; bị cáo T đã tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại với số tiền 1.850.000.000 đồng; bị cáo T1 nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T là chưa phù hợp nên không được chấp nhận;

[8] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Cẩm T1 là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 3.664.790.000 đồng cụ thể có trách nhiệm thanh toán cho bà Hồ Thị Bạch T2 số tiền 764.790.000 đồng; thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền 1.900.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phạm Phú C số tiền 1.000.000.000 đồng được khấu trừ số tiền 1.850.000.000 đồng do bà Phạm Thị C.A (là chị của Phạm Ngọc T) nộp vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương để khắc phục hậu quả cho bị cáo T; số tiền 20.000.000 đồng bị cáo T1 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị C.A không có yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại số tiền trên nên không đặt ra xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 02 con dấu tên Công ty Đại Phú Tín và Công ty Điện Phú Phát là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 laptop Sony màu đen của Phạm Ngọc T; 01 laptop HP Elitebook 8460p màu bạc của Phạm Ngọc T là tài sản của cá nhân bị cáo T nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[11] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phạm tội và bị kết án và phải có trách nhiệm bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T; Đặng Thị Cẩm T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/5/2021;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa

đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Thị Cẩm T1 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo Phạm Ngọc T, Đặng Thị Cẩm T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 3.664.790.000 đồng, cụ thể thanh toán cho bà Hồ Thị Bạch T2 số tiền 764.790.000 đồng; thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền 1.900.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phạm Phú C số tiền 1.000.000.000 đồng được khấu trừ số tiền 1.850.000.000 đồng do bà Phạm Thị C.A (là chị của Phạm Ngọc T) đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra về tội phạm tham nhũng kinh tế Công an tỉnh Bình Dương (theo Ủy nhiệm chi ngày 06/5/2022 giữa phòng Cảnh sát điều tra về tội phạm tham nhũng kinh tế, buôn lậu - Công an tỉnh Bình Dương và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương); số tiền 20.000.000 đồng do bị cáo Đặng Thị Cẩm T1 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000087 ngày 12/5/2022; các bị cáo còn phải tiếp tục có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 1.794.790.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dấu tên Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ địa ốc Đại Phú Tín;

- 01 (một) con dấu tên Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh phát triển địa ốc Điền Phú Phát.

Tiếp tục tạm giữ của Phạm Ngọc T để đảm bảo việc thi hành án gồm:

- 01 (một) laptop hiệu Sony màu đen có model: SVF14NA1UL và dãy SN:546499550012269, tình trạng màn hình bị hư hỏng (không kiểm tra tình trạng bên trong máy);

- 01 (một) laptop hiệu HP Elitebook 8460p màu bạc, có dãy số serial: CNU2210JMJ, tình trạng màn hình bị hư hỏng (không kiểm tra tình trạng bên trong máy).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/4/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: các bị cáo Phạm Ngọc T, Đặng Thị Cẩm T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và liên đới chịu số tiền 65.843.700 (sáu mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (11);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NMT, 31.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

Thẩm phán chủ tọa

Trương Văn Lộc